

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 11 - 3- 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Nguyên Hồng
- Ông Nguyễn Đức Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V2 (V3). Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, Quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị V3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý – Ngân hàng V3 theo ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Trí D.

Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại: Ông Ma Quang M – Cán bộ xử lý nợ và bà Hồ Thị Ngọc Á – Cán bộ xử lý nợ. Cùng địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà V, 78 D, P. D, Q.Cầu G, TP Hà Nội. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Hộ kinh doanh Trần Quang T – người đại diện là ông Trần Quang T sinh năm 1987, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C1. Địa chỉ trụ sở: Lô B, KCN B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo

pháp luật: Ông Phạm Đức T1 - chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Nguyễn Tố U, sinh năm 1998, địa chỉ: A B, phường A, Quận B, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2025 của ông Phạm Đức T1). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/11/2024 và và bản tự khai đề ngày 11/3/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V3) – bà Hồ Thị Ngọc Á trình bày như sau:

Theo đề nghị phát hành kiêm hợp đồng bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 và các văn bản tín dụng kèm theo, ông Trần Quang T có vay vốn của Ngân hàng TMCP V2 (V3) với tổng số tiền là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Theo đề nghị giải ngân số 01 ngày 15/5/2024, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết bảo lãnh (Thư bảo lãnh số MD222916SJN1 (BL185454) của khách hàng Trần Quang T:

- Số tiền vay 1.200.000.000đ;
- Lãi suất cho vay trong hạn 14%/năm;
- Kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần;
- Lãi suất quá hạn =150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Khoản nợ lãi quá hạn phải chịu tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Sau khi được giải ngân tiền vay, ông Trần Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 11/3/2025, ông T còn nợ V3 tổng số tiền: Nợ gốc: 1.200.000.000đ; nợ lãi: 223.113.080 đồng. Tổng cộng là 1.423.113.080 (Một tỉ bốn trăm hai mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn không trăm tám mươi đồng). Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi nói trên cho V3.

Yêu cầu ông Trực tiếp T2 phải chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho V3. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V3 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T để thu hồi khoản nợ vay.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quang T không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH C1: Xác nhận Công ty TNHH C1 đã nhận được số tiền giải ngân 1.200.000.000VNĐ từ Ngân hàng

TMCP V2 vào ngày 15/5/2024 để thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh là: Thanh toán theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản, gia cầm và gia súc số 242073/HD-010620 ngày 01/6/2020 của hộ kinh doanh Trần Quang T. Công ty đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Do bị đơn không có mặt nên không tiến hành hoà giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng:

Áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 288, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, 336, 339, 340, 446, 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh đối với hộ kinh doanh ông Trần Quang T- người đại diện là ông Trần Quang T.

Buộc hộ kinh doanh ông Trần Quang T phải trả cho Ngân hàng TMCP V2 khoản tiền còn nợ theo Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng cấp bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 và Thư bảo lãnh thanh toán số MD222916SJN1 (BL185454) của Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh H2: Nợ gốc 1.200.000.000 VNĐ và nợ lãi theo thỏa thuận giữa các bên.

Bị đơn hộ ông Trần Quang T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cấp bảo lãnh giữa hộ kinh doanh Trần Quang T (bên được bảo lãnh) và Ngân hàng TMCP V2. Cả hai

bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do hộ kinh doanh Trần Quang T chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền mà Ngân hàng TMCP V2 đã trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh là Công ty TNHH C1. Địa chỉ: Lô B, KCN B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng bảo lãnh theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về tư cách những người tham gia tố tụng và sự có mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn xác định hộ đăng ký kinh doanh Trần Quang T gồm ông Trần Quang T và bà Bùi Thị N. Theo đề nghị phát hành kiêm hợp đồng cấp bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 thì ông T và bà N đều cùng ký tên dưới mục khách hàng. Như vậy, dù sau khi ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 148/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2021 của TAND huyện Mai Sơn thì ông T và bà N vẫn tiếp tục ký xác nhận nợ với Ngân hàng TMCP V2 nên bà N có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông Trần Quang T đối với khoản nợ của hộ kinh doanh Trần Quang T với Ngân hàng TMCP V2.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an xã C về nơi cư trú của ông Trần Quang T, bà Bùi Thị N. Ông T hiện vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, xã C, M, Sơn La, không có đăng ký tạm trú tại địa phương khác nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Bà N1 không còn hộ khẩu tại địa phương. Do không tổng đạt trực tiếp được cho ông T, bà N1 Toà án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông T, bà N1 vẫn không có mặt giải quyết vụ án, không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào đề nghị giải ngân ngày 15/5/2024, Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh H2 đã giải ngân số tiền 1.200.000.000VNĐ cho Công ty TNHH C1 theo Cam kết bảo lãnh số MD222916SJN1 để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng Hộ kinh doanh Trần Quang T. Bên được bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền ngay trong ngày cho bên Ngân hàng theo quy định tại Điều 4 Phần II Hợp đồng cấp bảo lãnh. Ngày 29/11/2024 Ngân hàng TMCP V2 có đơn khởi kiện ra Tòa án nên vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về đề nghị phát hành kiêm hợp đồng bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 bên được bảo lãnh là Trần Quang T đề nghị Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh H2 phát hành loại bảo lãnh: Thanh toán cho bên nhận bảo lãnh: Công ty TNHH C1 . Địa chỉ: Lô B, KCN B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghĩa vụ được bảo lãnh là: Thanh toán theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản, gia cầm và gia súc số 242073/HD-010620 ngày 01/6/2020. Số tiền bảo lãnh là 1.200.000.000VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn bảo lãnh từ ngày 18/10/2022 đến ngày 17/10/2023.

Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa các bên là tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, chủ thể tham gia ký kết đều đủ năng lực hành vi dân sự, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh H2 đã phát hành Thư bảo lãnh thanh toán số MD222916SJM1 (BL185454), đến ngày 15/5/2024 thực hiện giải ngân số tiền 1.200.000.000VNĐ cho Công ty TNHH C1. Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH C1 xác nhận Công ty TNHH C1 đã nhận được số tiền này từ Ngân hàng TMCP V2 để thanh toán cho dư nợ còn lại của ông Trần Quang T.

Theo khoản 18 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết, khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản Điều 4 Phần II Hợp đồng bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 thì “ Việc thực hiện nghĩa vụ của bên Ngân hàng đối với bên nhận bảo lãnh không cần bất kỳ sự đồng ý hay chấp thuận nào của bên được bảo lãnh. Sau khi bên Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng các điều kiện nêu trong Cam kết bảo lãnh, bên được bảo lãnh không được từ chối nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả nợ cho bên Ngân hàng vì bất kì lý do gì” và “Bên được bảo lãnh có trách nhiệm hoàn trả ngay trong ngày cho bên Ngân hàng toàn bộ số tiền mà bên Ngân hàng đã trả nợ thay cho bên được bảo lãnh. Trường hợp bên được bảo lãnh chưa hoàn trả, số tiền nhận nợ sẽ được coi là khoản vay bắt buộc của bên được bảo lãnh tại bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng có quyền quyết định thời hạn cho vay bắt buộc, kỳ hạn trả nợ và lãi suất cho vay đối với khoản vay này. Lãi suất cho vay đối với khoản vay của bên được bảo lãnh bằng 150%lãi suất cho vay thông thường đang áp dụng tại thời điểm bên được bảo lãnh nhận nợ bắt buộc....”

Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hộ kinh doanh Trần Quang T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000VNĐ là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với mức lãi suất quá hạn là 21%/năm: Mức lãi suất trong hạn của nguyên đơn yêu cầu là 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự là không trái với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và không trái quy định của Luật Thương mại, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng bảo lãnh nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc hộ kinh doanh Trần Quang T phải trả tiền lãi trong hạn với số tiền vay gốc 1.200.000.000VNĐ trong ngày 15/5/2024 là 460.274 VNĐ; lãi suất quá hạn chưa trả tính từ ngày 16/5/2024 đến ngày 11/3/2025 là 207.123.288 VNĐ.

Lãi chậm trả được tính bằng 10%/năm từ ngày 16/5/2025 đến ngày 11/3/2025 là 15.529.518 VNĐ.

Tổng cộng số tiền lãi hộ kinh doanh Trần Quang T phải trả là 223.113.080 VNĐ.

[3]. Về án phí:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 288, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, 336, 339, 340, 446, 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh đối với hộ kinh doanh ông Trần Quang T- người đại diện là ông Trần Quang T.

Buộc hộ kinh doanh ông Trần Quang T phải trả cho Ngân hàng TMCP V2 khoản tiền còn nợ theo Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng cấp bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022 và Thư bảo lãnh thanh toán số MD222916SJN1 (BL185454) của Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh H2.

- Nợ gốc 1.200.000.000 VNĐ;

- Nợ lãi (tạm tính từ ngày 15/5/2024 đến ngày 11/3/2025) là 223.113.080 VNĐ.

Tổng số tiền mà hộ ông Trần Quang T phải trả cho Ngân hàng TMCP V2 là 1.423.113.080 đồng làm tròn thành 1.423.113.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng cấp bảo lãnh số 6473259 ngày 18/10/2022.

2. Về án phí:

Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 25.700.000 VNĐ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001996 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Hộ ông Trần Quang T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 54.693.000VNĐ (Năm mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Minh Quân

